

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
CT TNHH MTV CAO SU KRÔNG BÚK
Số: 50.7/BC-CSKB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Krông Năng, ngày 26 tháng 10 năm 2016

**BÁO CÁO CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Phụ lục X ban hành kèm theo

Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Chính phủ)

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

• Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động

+ Tiền lương trả cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định.

+ Thực hiện phân phối tiền lương, tiền thưởng cho lao động trực tiếp căn cứ vào năng lực vườn cây, năng suất lao động, tay nghề kỹ thuật để xây dựng đơn giá tiền lương phù hợp.

+ Thực hiện phân phối tiền lương, tiền thưởng cho lao động gián tiếp: Thực hiện trả lương theo nguyên tắc “làm công việc gì, giữ chức vụ gì thì trả lương theo công việc, chức vụ đó”. Khi thay đổi công việc, chức vụ thì được trả lương theo công việc mới, chức vụ mới và không bảo lưu mức lương cũ.

Quy chế thực hiện phân phối tiền lương theo lao động. Tiền lương phụ thuộc vào kết quả lao động của từng người, từng phòng, ban. Những người thực hiện các công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao đóng góp nhiều vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty thì được trả lương cao hơn và ngược lại những người thực hiện công việc giản đơn, độ phức tạp thấp, tính trách nhiệm thấp thì có mức lương thấp hơn.

+ Phương án chi trả tiền lương được xây dựng có sự tham gia của đại diện Ban chấp hành công đoàn cùng cấp, đồng thời phổ biến đến người lao động để cùng tham gia đóng góp ý kiến và có nghĩa vụ thực hiện.

+ Quỹ tiền thưởng của người lao động được trích từ quỹ khen thưởng phúc lợi của công ty theo quy định của Chính phủ.



+ Tiền thưởng của người lao động được thực hiện theo quy chế thưởng của công ty.

+ Quỹ tiền lương được chi trả sau khi có thỏa thuận phê duyệt của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam.

- **Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp:**

+ Tiền lương, thù lao, tiền thưởng trả cho viên chức quản lý công ty được xác định theo 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 Quy định về chế độ tiền lương, tiền thưởng đối với thành viên HĐQT hoặc Chủ tịch công ty, KSV, TGD hay GD, P TGD hay P GD, KTT trong công ty TNHH MTV do NN làm chủ sở hữu.

+ Tiền lương, thù lao, tiền thưởng trả cho viên chức quản lý công ty được thực hiện theo quy chế trả lương, thù lao, quy chế thưởng đối với viên chức quản lý của Công ty xây dựng.

+ Tiền lương, thù lao và tiền thưởng được xác định và chi trả gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả quản lý, điều hành hoặc kiểm soát và có không chế mức hưởng tối đa.

+ Quy chế thưởng hàng năm của viên chức quản lý chuyên trách và không chuyên trách được thực hiện theo quy chế quản lý tài chính, quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả doanh nghiệp do nhà nước quy định.

+ Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của viên chức quản lý công ty được chi trả sau khi được thỏa thuận phê duyệt của Tập đoàn CNCS Việt nam.

b) Quỹ lương kế hoạch:

- **Quỹ lương kế hoạch của người lao động:**

Quỹ tiền lương kế hoạch hàng năm của công ty là Tổng quỹ lương do công ty xây dựng (không bao gồm quỹ lương của viên chức quản lý chuyên trách và thù lao của viên chức quản lý không chuyên trách) trên cơ sở quy định của nhà nước và hướng dẫn, phê duyệt của Tập đoàn CN cao su Việt nam; thực hiện đơn giá tiền lương theo chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của công ty và kế hoạch sản xuất kinh doanh Tập đoàn giao trong năm kế hoạch; trong đó bao gồm:

- + Quỹ lương theo chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của công ty;
- + Quỹ lương trồng mới, tái canh, chăm sóc vườn cây KTCB;
- + Quỹ lương thu mua, gia công chế biến;
- + Quỹ lương sản xuất kinh doanh cà phê Dliêya;
- + Quỹ lương y tế;
- + Quỹ lương chăm sóc rừng;
- + Quỹ lương kinh doanh cà phê, phân bón, xăng dầu.
- + Quỹ lương dự phòng năm trước chuyển sang.

• **Quỹ lương kế hoạch của viên chức quản lý:**

+ Quỹ tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách: được xác định trên cơ sở số lượng viên chức quản lý chuyên trách kế hoạch và mức tiền lương bình quân kế hoạch; mức tiền lương bình quân kế hoạch được xác định theo khoản b, điều 6 thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ lao động Thương binh Xã hội. Công ty xác định bằng 85 % mức lương cơ bản để xây dựng kế hoạch. (kèm biểu1)

+ Quỹ thù lao của viên chức quản lý không chuyên trách: Được xác định trên cơ sở số lượng viên chức quản lý không chuyên trách kế hoạch và mức thù lao kế hoạch theo quy định tại khoản 2 điều 4 Thông tư 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ lao động Thương binh Xã hội. Trong đó: Mức thù lao của kiểm soát viên không chuyên trách được tính bằng 20% tiền lương của Kiểm soát viên chuyên trách.

1. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp

**BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA
DOANH NGHIỆP NĂM 2016**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm trước liền kề năm báo cáo (2015)		Năm báo cáo (2016)
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
1	2	3	4	5	6
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP		Hạng I	Hạng I	Hạng I
II	TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG				
1	Lao động	Người	1.410	1.120	1.154
2	Mức tiền lương bình quân	1.000 đ/tháng	3.795,4	4.395,5	4.018,8
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	64.218,08	59.075,46	55.652,72
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng	2.395,58	2.395,58	2.395,58
5	Thu nhập bình quân	1.000 đ/tháng	3.936,98	4.573,74	4.191,82
III	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP				
A	Quản lý chuyên trách				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	6	6	6
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	23,72	20,164	23,833
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	1.451,8	1.451,8	1458,6
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	20,164	20,164	20,258
5	Quỹ tiền thưởng		0	0	0
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng	0	0	0
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Triệu đồng/tháng	20,164	20,164	20,258
B	Quản lý không chuyên trách				
1	Số người (1 Chủ tịch HĐQT, 2 kiểm soát viên)	Người	3	2,17	2
2	Quỹ thù lao	Triệu đồng	103,02	103,02	93,84
3	Mức thù lao bình quân	Triệu đồng/tháng	3,962	3,962	3,910
4	Quỹ tiền thưởng	Triệu đồng	0	0	0
5	Mức thù lao và tiền thưởng bình quân	Triệu đồng/tháng	3,962	3,962	3,910

(Đính kèm bảng xác định quỹ lương năm 2015)

Ngày 26 tháng 10 năm 2016



Nguyễn Văn Hiệp

**Quý lương Thành viên HĐQT, TGD, PTGD, KTT, KSV chuyên trách
 và Quý thủ lao (phụ cấp) của các chức danh kiêm nhiệm năm 2015**

DVT: 1000 đ

STT	Họ và tên	Chức Danh	Hệ số lương	Mức lương cơ bản	Trên lương giảm trừ bằng 85% tiền lương cơ bản	Số tháng công tác	Quý lương	Bình quân
a	b	c	1	2	3=(2)*85%	4	5=(3)*(4)	6=(5)/(4)
I. Quý tiền lương viên chức quản lý chuyên trách								
1	Phạm Duy Mườn	Q. CT HĐQT	6,23	27.000	22.950	10	1.451.800	20.164
		P. TGD	6,31	23.000	19.550	2	39.100	19.550
2	Nguyễn Văn Hiền	Tổng giám đốc	6,64	26.000	22.100	10	221.000	22.100
		Q. Tổng giám đốc	6,31	26.000	22.100	2	44.200	22.100
3	Hoàng Sứ	Kiểm soát viên	5,98	23.000	19.550	12	234.600	19.550
4	Đoàn Anh Thông	Phó Tổng GD	6,31	23.000	19.550	12	234.600	19.550
5	Nguyễn Thị Huệ	Phó Tổng GD	5,98	23.000	19.550	12	234.600	19.550
6	Lương Văn Du	Kế toán trưởng	5,65	21.000	17.850	12	214.200	17.850
II. Quý thủ lao viên chức quản lý không chuyên trách								
1	Nguyễn Văn Tân	Chủ tịch Hội đồng thành viên		5.400	4.590	26	103.020	3.962
2	Mai Lạc	Kiểm soát viên không chuyên trách		4.600	3.910	12	46.920	3.910
3	Phạm Văn Quang	Kiểm soát viên không chuyên trách		4.600	3.910	12	46.920	3.910
	Tổng cộng				0		1.554.820	

Công ty xếp hạng: I

Krông Năng, ngày / /2016
 PHÒNG TC-CBTL

Handwritten signature
 Đoàn Trinh

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 694 /CSVN- LĐTL
V/v: Xác nhận quỹ tiền lương
năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Kính gửi: Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk

Căn cứ Quyết định số 981/2011/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Mẹ- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, ngày 09/9/2013 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện Nghị định 50/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ v/v quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH, ngày 09/9/2013 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ v/v quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với viên chức quản lý trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 592/CSVN-LĐTL ngày 12/11/2015 của Tập đoàn CNCSVN v/v giao kế hoạch quỹ lương năm 2015 cho Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk;

Căn cứ Tờ trình số 90/TT-CSKB ngày 26/02/2016 của Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk v/v quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2015;

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xác nhận quỹ tiền lương năm 2015 của Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk, như sau:

ĐVT: đồng

1. Quỹ lương người lao động	35.629.806.000
2. Quỹ lương viên chức quản lý	1.451.800.000
3. Thù lao viên chức quản lý không chuyên trách	103.020.000
4. Quỹ lương thu mua, gia công chế biến	2.403.591.121
5. Quỹ lương sản xuất kinh doanh café Dliêya	13.372.255.239
6. Quỹ lương y-tế	1.066.857.366
7. Quỹ lương chăm sóc rừng	335.903.902
8. Quỹ lương kinh doanh café và phân bón	713.777.238
9. Quỹ lương XDCB	3.998.444.936
Tổng cộng	59.075.455.802

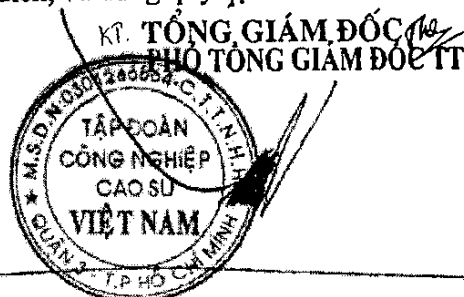
Quỹ tiền lương xác nhận trên đây được tính toán trên cơ sở các chỉ tiêu SXKD của công ty báo cáo tại thời điểm ngày 26/02/2016 (Phụ lục chi tiết đính kèm). Khi Báo cáo tài chính năm 2015 của công ty được lập chính thức và được kiểm toán theo quy định, nếu các chỉ tiêu SXKD có sai biệt với số liệu báo tại Tờ trình số 90/TT-CSKB ngày 26/02/2016, công ty phải tính toán lại quỹ tiền lương theo đúng quy định của nhà nước và hướng dẫn của Tập đoàn.

Căn cứ vào quỹ tiền lương Tập đoàn xác nhận và quỹ tiền lương được công ty tính toán lại (nếu có), công ty trả lương đúng mục đích, và đúng quy định.

Nơi nhận:

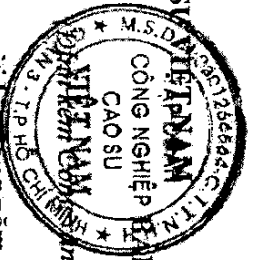
- Như trên
- Lưu: VT, LĐTL.

C:\Users\hinhthao\Desktop\quyettoan_2015\KrôngBuk\KrôngBuk_2015.docx



Trần Thoại

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM



HÀNG GIẢI TRÌNH TÍNH TOÁN QUÝ LƯƠNG NĂM 2015
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU KRÔNG BUK

Số hồ sơ: 694 /CSVN - LĐTL ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Tập đoàn CNCSVN)

1. Xác định quỹ lương thực hiện của người lao động năm 2015
1.1. Quỹ lương thực hiện SXKD của người lao động năm 2015

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Tỉ lệ (%)
Tổng doanh thu	95.263.928.000	63.350.000.000	66,50%
Tổng chi phí (chưa lương)	62.475.907.000	37.419.871.000	59,89%
Lợi nhuận	-15.446.029.000	-12.222.129.000	79,13%
- Lợi nhuận (tiêu thụ từ mù cao su khai thác)	-10.845.320.000	-9.720.101.000	89,62%
- Lợi nhuận hoạt động tài chính	-4.600.709.000	-2.502.028.000	54,38%
Sản lượng cao su khai thác tiêu thụ	3.083,4	2.150,0	69,73%
Lao động b/q	1.054	843,0	79,98%

Xác định mức tiền lương bình quân theo chi tiêu năng suất lao động và lợi nhuận thực hiện năm 2015 so với thực hiện năm 2014

Do chi tiêu lợi nhuận cao su thực hiện năm 2015 bị lỗ, nên xác định quỹ lương thực hiện theo mức tiền lương bình quân chế độ:

Trong đó:

Hệ số lương bình quân	2,55	(1)
Phụ cấp khu vực	0,50	(2)
Mức lương tối thiểu	1.150.000	(3)
Quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 = Lttsd x [(1) + (2)] x (3) x 12 tháng	3.507.500	

1.2. Quỹ lương của đoàn thể chuyên trách

Hệ số lương cơ bản + phụ cấp của Đảng, đoàn thể	6,2800	(4)
Mức tiền lương tối thiểu	1.150.000	(5)
Mức lương Phó TGD	19.550.000	(6)
Tiền lương công ty hỗ trợ cho Đoàn thể = {(6) - [(3) x (4)]} x 12 tháng	147.936.000	(7)

Quỹ lương thực hiện của người lao động năm 2015 = Lttsd 2015 x TLbqth 2015 x 12 tháng + Vđt 35.629.806.000



2. Xác định quỹ lương thực hiện của viên chức quản lý năm 2015

Chi tiêu	Thực hiện 2014	Thực hiện 2015	Tỉ lệ (%)
Lợi nhuận	4.439.464.000	2.305.913.000	51,94%
Lao động quản lý (Lqlct)		6	
Số tháng làm việc thực tế		72 (8)	
<i>Xác định mức tiền lương cơ bản bình quân của viên chức quản lý theo các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thực hiện 2015 so với thực hiện năm 2014</i>			
Mức tiền lương cơ bản bình quân (TLcb)		23.722.222 (9)	
Mức tiền lương b/q thực hiện của viên chức quản lý đơn vị đề nghị = (9) x 85%		20.163.889 (10)	
Quỹ tiền lương của viên chức quản lý = (8) x (10)		1.451.800.000	
3. Xác định thù lao của viên chức quản lý không chuyên trách năm 2015			
Chỉ tiêu		Thực hiện 2015	
VCCQL không chuyên trách		3	
Số tháng làm việc thực tế		26 (10)	
Thù lao bình quân theo Nghị định 51/CP		4.661.538 (11)	
Thù lao bình quân giảm trừ 5% = (11) x 85%		3.962.308 (12)	
Thù lao của viên chức quản lý không chuyên trách = (10) x (12)		103.020.000	

4. Quỹ lương thu mua, gia công chế biến mủ

Hạng mục	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
4.1 Quỹ lương thu mua chế biến			
- Khối lượng (tấn)	300	117.520	39,17%
- Đơn giá (đồng/tấn)	590.923	590.923	100,00%
- Quỹ lương	177.276.900	69.445.271	39,17%
4.2 Quỹ lương gia công mủ cho các đơn vị ngoài			
- Khối lượng (tấn)	2.500	3.950.000	158,00%
- Đơn giá (đồng/tấn)	590.923	590.923	100,00%
- Quỹ lương	1.477.307.500	2.334.145.850	158,00%
Cộng quỹ lương (4.1) + (4.2)	1.654.584.400	2.403.591.121	145,27%

Ghi chú: Quỹ lương gia công, chế biến tăng giảm tương ứng với khối lượng thu mua, gia công.

5. Quỹ lương sản xuất kinh doanh café Diêya

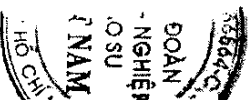
Chi tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
Sản lượng (tấn)	1.000	1.020,0	102,00%
Đơn giá b/q (đồng/tấn)	14.339.263	13.110.054	91,43%
Quỹ lương	14.339.263.120	13.372.255.239	93,26%

6. Quỹ lương Trung tâm y-tê

Chi tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	-Tỉ lệ (%)
Quỹ lương	1.200.000.000	1.066.857.366	88,90%

7. Quỹ lương chăm sóc rừng

Chi tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
Diện tích	274,63	274,63	100,00%
Quỹ lương	407.952.836	335.903.902	82,34%



8. Quỹ lương kinh doanh café và phân bón

Chi tiêu	Kế hoạch			Thực hiện			Tỉ lệ (%)
	Khối lượng	Đơn giá	Quỹ lương	Khối lượng	Đơn giá	Quỹ lương	
Kinh doanh phân bón (tấn)	350	140.572	49.200.200	668,88	140.572	94.025.096	100,00%
Kinh doanh cà phê nhân xô (tấn)	600	82.000	49.200.000	31,93	82.000	2.618.096	100,00%
Mua cà phê chế Dietya (tấn)	4.000	223.335	893.340.000	1.604,50	223.335	358.340.114	100,00%
Kinh doanh xăng dầu (lít)	900.000	164	147.600.000	1.191.055,68	164	195.333.132	100,00%
Thu mua mù tiêu điền (tấn)	300	540.000	162.000.000	117,52	540.000	63.460.800	100,00%
Cộng			1.301.340.200			713.777.238	

Ghi chú: Gợi tỉ lệ (%) so sánh ĐGITL kế hoạch và thực hiện

9. Quỹ lương XD/CB

Hàng mục	Diện tích (ha)			Quỹ lương			Tỉ lệ (%)
	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)	
1. Trồng mới	448,19	448,19	100,00%	2.749.016.874	2.226.764.033	81,00%	
1.1 Trồng mới (bầu, trồng thâm phủ, thủ công, đất bằng)	401,63	401,63	100,00%	2.002.491.510	1.546.104.499	77,21%	
1.2 Trồng mới (512, bầu xen cà phê, thủ công, đất bằng)	46,56	46,56	100,00%	746.525.364	680.659.534	91,18%	
2. Chăm sóc cao su KTCB	644,39	644,39	100,00%	2.372.482.726	1.771.680.903	78,07%	
2.1 Chăm sóc năm 2 (mật độ 555)	134,01	134,01	100,00%	617.790.419	472.426.929	76,47%	
2.2 Chăm sóc năm 2 (mật độ 512)	235,11	235,11	100,00%	924.253.688	669.667.324	72,45%	
2.3 Chăm sóc năm 3 (mật độ 555)	84,14	84,14	100,00%	235.208.748	177.100.364	75,29%	
2.4 Chăm sóc năm 3 (mật độ 512)	146,43	146,43	100,00%	472.225.384	372.121.748	78,80%	
2.5 Chăm sóc năm 5	38,70	38,70	100,00%	106.918.418	68.435.192	64,01%	
2.6 Chăm sóc năm 6	6,00	6,00	100,00%	16.086.069	11.929.346	74,16%	
Cộng (1) + (2)	1.092,58	1.092,58	100,00%	5.121.499.600	3.998.444.936	78,07%	

TRƯỞNG BAN LDTL



Trần Khắc Chung



**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 694 /CSVN- LĐTL
V/v: Xác nhận quỹ tiền lương
năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Kính gửi: Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk

Căn cứ Quyết định số 981/2011/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Mẹ- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, ngày 09/9/2013 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện Nghị định 50/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ v/v quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH, ngày 09/9/2013 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ v/v quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với viên chức quản lý trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 592/CSVN-LĐTL ngày 12/11/2015 của Tập đoàn CNCsvn v/v giao kế hoạch quỹ lương năm 2015 cho Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk;

Căn cứ Tờ trình số 90/TT-CSKB ngày 26/02/2016 của Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk v/v quyết toán quỹ lương thực hiện năm 2015;

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xác nhận quỹ tiền lương năm 2015 của Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk, như sau:

ĐVT: đồng

1. Quỹ lương người lao động	35.629.806.000
2. Quỹ lương viên chức quản lý	1.451.800.000
3. Thù lao viên chức quản lý không chuyên trách	103.020.000
4. Quỹ lương thu mua, gia công chế biến	2.403.591.121
5. Quỹ lương sản xuất kinh doanh café Dliêya	13.372.255.239
6. Quỹ lương y-tê	1.066.857.366
7. Quỹ lương chăm sóc rừng	335.903.902
8. Quỹ lương kinh doanh café và phân bón	713.777.238
9. Quỹ lương XDCB	3.998.444.936
Tổng cộng	59.075.455.802

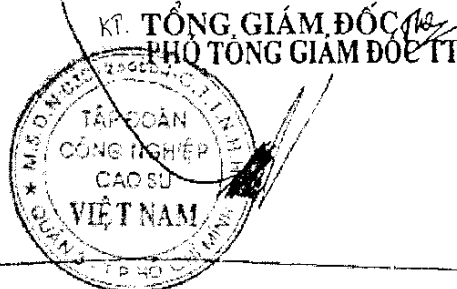
Quỹ tiền lương xác nhận trên đây được tính toán trên cơ sở các chỉ tiêu SXKD của công ty báo cáo tại thời điểm ngày 26/02/2016 (Phụ lục chi tiết đính kèm). Khi Báo cáo tài chính năm 2015 của công ty được lập chính thức và được kiểm toán theo quy định, nếu các chỉ tiêu SXKD có sai biệt với số liệu báo tại Tờ trình số 90/TT-CSKB ngày 26/02/2016, công ty phải tính toán lại quỹ tiền lương theo đúng quy định của nhà nước và hướng dẫn của Tập đoàn.

Căn cứ vào quỹ tiền lương Tập đoàn xác nhận và quỹ tiền lương được công ty tính toán lại (nếu có), công ty trả lương đúng mục đích, và đúng quy định.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, LĐTL.

C:\Users\htinhao\Desktop\quyettoan_2015\KrôngBuk\KrôngBuk_2015.docx



Trần Thoại

Số: 247 /CSVN-LĐTL
V/v: Xác nhận quỹ tiền lương
thực hiện năm 2014.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2015

Kính gửi: Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk

Căn cứ Quyết định số 981/2011/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Mẹ- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, ngày 9/9/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định 50/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ v/v quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH, ngày 9/9/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ v/v quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Thành viên HĐQT hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 794/QĐ-CSVN ngày 29/12/2014 của Tập đoàn CNCsvn về việc giao quỹ lương năm 2014 cho Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk;

Căn cứ Tờ trình số 37/TT-CSKB ngày 16/01/2015 của Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk v/v quyết toán tiền lương năm 2014;

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xác nhận số liệu quỹ tiền lương thực hiện năm 2014 của Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk như sau:

Chỉ tiêu	Quỹ lương (đồng)
1. Quỹ lương người lao động	43.633.341.700
2. Quỹ lương viên chức quản lý	1.354.050.000
3. Thù lao viên chức không chuyên trách	133.620.000
4. Quỹ lương thu mua, gia công chế biến	1.518.362.112
5. Quỹ lương kinh doanh café Diêya	14.865.861.173
6. Quỹ lương gia công café cho đơn vị ngoài	420.752.282
7. Quỹ lương y-tế	1.319.067.430
8. Quỹ lương chăm sóc rừng	238.420.580
9. Quỹ lương XN TM-DVTH	1.364.936.301
10. Quỹ lương XDCB	7.798.791.422
Tổng cộng	72.647.202.999

Quỹ lương thực hiện năm 2014 trên đây được tính toán trên cơ sở các chỉ tiêu SXKD và XDCB của đơn vị báo cáo tại thời điểm 16/01/2015 (Phụ lục chi tiết đính kèm). Khi báo cáo tài chính năm 2014 của đơn vị được lập chính thức và được kiểm toán theo quy định, nếu các chỉ tiêu SXKD và XDCB có sai biệt với số liệu báo tại công văn này, đơn vị phải tính toán lại quỹ tiền lương thực hiện theo đúng quy định của nhà nước và hướng dẫn của Tập đoàn.

Căn cứ vào quỹ tiền lương thực hiện, công ty trả lương theo đúng mục đích, và theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, LĐTL.

D:\Ban LĐTL\LinH\2014\KrôngBuk\Krông Buk_2014.doc

K. T. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TẬP ĐOÀN
CÔNG NGHIỆP
CAO SU
VIỆT NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

Trần Thoại

Số: 692/CSVN-LĐTL
V/v: Xác nhận quỹ tiền lương
thực hiện năm 2013.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Kính gửi: Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk

Căn cứ Quyết định số 981/2011/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Mẹ- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam thành Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH, ngày 9/9/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định 50/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ v/v quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH, ngày 9/9/2013 hướng dẫn thực hiện Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ v/v quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Thành viên HĐQT hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-CSVN ngày 30/12/2013 của Tập đoàn CNCSVN về việc giao quỹ lương năm 2013 cho Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk;

Căn cứ Công văn số 103/TT-CSKB ngày 20/02/2014 của Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk v/v quyết toán quỹ lương năm 2013;

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xác nhận số liệu quỹ tiền lương thực hiện năm 2013 của Công ty TNHH MTV cao su Krông Buk như sau:

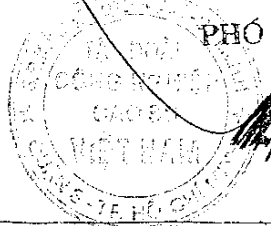
Chỉ tiêu	Quỹ lương (đồng)
1. Quỹ lương người lao động	74.546.419.000
2. Quỹ lương viên chức quản lý	1.163.200.700
3. Thù lao viên chức không chuyên trách	91.622.162
4. Quỹ lương thu mua, gia công chế biến	89.899.420
5. Quỹ lương kinh doanh café Dliêya	14.506.066.178
6. Quỹ lương y-tế	1.322.685.750
7. Quỹ lương chăm sóc rừng	315.421.258
8. Quỹ lương kinh doanh café và phân bón	1.111.078.942
9. Quỹ lương XD CB	3.302.239.076
Tổng cộng	96.448.632.486

Quỹ lương thực hiện năm 2013 trên đây được tính toán trên cơ sở các chỉ tiêu SXKD và XD CB của đơn vị báo cáo tại thời điểm 20/02/2014 (Phụ lục chi tiết đính kèm). Khi báo cáo tài chính năm 2013 của đơn vị được lập chính thức và được kiểm toán theo quy định, nếu các chỉ tiêu SXKD và XD CB có sai biệt với số liệu báo tại công văn này, đơn vị phải tính toán lại quỹ tiền lương thực hiện theo đúng quy định của nhà nước và hướng dẫn của Tập đoàn.

Căn cứ vào quỹ tiền lương thực hiện, công ty trả lương theo đúng mục đích, và theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT, LĐTL.

TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thoại